

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY
CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc


Số: 20 /BODK-TCHC


Tân Thành, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.**
2. Mã chứng khoán: **PVB.**
3. Trụ sở chính: Đường 2B, khu công nghiệp phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
4. Điện thoại: 0643.924456. Fax: 0643.924455.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Trần Đức Minh** – Giám đốc Công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố: Kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2012 (báo cáo giải trình đính kèm).
7. Địa chỉ Website đăng tải thông tin: www.pvcoating.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- HĐQT, BSK;
- Lưu VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC

Trần Đức Minh

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM -CTCP
CÔNG TY
CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 19 /BODK-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do - Hạnh Phúc

Tân Thành ngày 25 tháng 02 năm 2014

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ theo mục 1.6, điều 8 thông tư số 52/2012/TT-BTC về công bố thông tin bất thường, Công ty cổ phần boc ồng dầu khí Việt Nam báo cáo thông tin về điều chỉnh hồi tố báo cáo kiểm toán như sau:

Trong năm 2013, Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính năm 2012 căn cứ theo yêu cầu tại Biên bản kiểm toán ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
1. Hàng tồn kho	141	142.413.686.725	144.935.948.604	2.522.261.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(13.615.677.925)	(2.831.452.474)	10.784.225.451
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.620.793.145	5.706.584.777	1.085.791.632
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.154.675.577	8.910.096.919	4.755.421.342
5. Chi phí phải trả	316	31.665.695.320	21.493.433.042	(10.172.262.278)
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	32.667.463.284	30.257.656.922	(2.409.806.362)
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	53.111.543.452	75.330.469.712	22.218.926.260
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	749.802.053.085	722.663.634.427	(27.138.418.658)
2. Chi phí tài chính	22	49.645.915.639	49.809.986.695	164.071.056
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	72.721.915.933	99.696.263.535	26.974.347.602
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	9.777.912.770	14.533.334.112	4.755.421.342
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	58.732.497.569	80.951.423.829	22.218.926.260
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.719	3.748	1.029
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	72.721.915.933	99.696.263.535	26.974.347.602
2. Các khoản dự phòng	03	13.615.677.925	2.831.452.474	(10.784.225.451)
3. Biến động các khoản phải thu	09	51.754.774.449	50.668.982.817	(1.085.791.632)
4. Biến động hàng tồn kho	10	159.826.943.927	157.304.682.048	(2.522.261.879)
5. Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(96.758.662.898)	(109.340.731.538)	(12.582.068.640)

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT-TCKT



GIÁM ĐỐC

Trần Đức Minh